

LIÊN KẾT VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH - TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN TẠI CÁC TỈNH BẮC TRUNG BỘ

● CÙ THỊ NHUNG - NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TÓM TẮT:

Phát triển vùng (PTV) từ lâu đã được coi là một mục tiêu phát triển chiến lược với mỗi quốc gia. Vì vậy, sự ra đời của lý thuyết PTV chính là một tất yếu nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định chính sách PTV và cụ thể hơn là liên kết vùng (LKV). Với đặc thù là lĩnh vực khai thác tối đa các tài nguyên tự nhiên và nhân văn, du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Dựa trên một số quan điểm về lý thuyết PTV, bài viết tập trung phân tích những nguyên tắc trong phát triển du lịch dựa trên LKV các tỉnh Bắc Trung bộ hiện nay.

Từ khóa: liên kết vùng, du lịch, Bắc Trung bộ.

1. Một số lý thuyết về phát triển vùng và nguyên tắc phát triển du lịch dựa trên liên kết vùng

1.1. Lý thuyết về phát triển kinh tế vùng

PTV phải dựa trên phát triển kinh tế vùng, do đó các lý thuyết PTV cũng phần lớn là dựa trên các lý thuyết phát triển kinh tế vùng. [1-3]

1.1.1. Lý thuyết cực tăng trưởng

Đây là lý thuyết do nhà kinh tế học người Pháp Francois Perroux (1955) đề xuất, với ý tưởng chung là tăng trưởng không xuất hiện đồng thời ở mọi lúc mọi nơi, mà chỉ xuất hiện ở một số điểm hoặc cực tăng trưởng với mức độ khác nhau; được lan truyền qua các kênh khác nhau và tạo ra các ảnh hưởng khác nhau cho nền kinh tế. Trọng tâm của lý thuyết này là sự tăng trưởng kinh tế nói chung, không thể đồng đều trong cả vùng, mà chỉ có thể diễn ra xung quanh một cực cụ thể (hay một cụm). Cực này được đặc trưng bởi sự hình thành và phát triển của ngành

kinh tế chủ đạo của vùng đó, đồng thời mỗi ngành chủ đạo lại có những đặc thù riêng, do đó, cực tăng trưởng chính là nơi có thể đáp ứng được một cách đầy đủ nhất các đòi hỏi riêng ấy. Sự phát triển của cực tăng trưởng sẽ thu hút và dẫn đến sự tích lũy ngày càng nhiều các yếu tố sản xuất về điểm cực đó. Sự tích lũy ngày càng nhiều sẽ dẫn đến sự phát triển nhanh, đầy đủ và toàn diện hơn của ngành kinh tế chủ đạo. Cứ như thế, quy trình tích lũy và phát triển này sẽ tạo nên một địa điểm phát triển nhất trong toàn vùng, đồng thời nó cũng sẽ tạo hiệu ứng thúc đẩy các vùng xung quanh điểm cực, kích thích sản xuất, nâng cao năng suất lao động, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống người dân.

1.1.2. Lý thuyết vùng trung tâm (Walter Christaller 1933)

Lý thuyết này xuất phát từ quan điểm về “những vị trí trung tâm cung cấp dịch vụ và hàng hóa cho các vùng xung quanh”. Các quan điểm của

Walter Christaller cho thấy, con người luôn thực hiện các hành vi mua bán ở những địa điểm gần nhất và thuận lợi nhất, và khi nhu cầu về một loại hàng hóa cao đến một mức nhất định, nó sẽ có sẵn ở các địa điểm gần nhất, và nếu nhu cầu giảm, nó sẽ không được bày bán ở các địa điểm trung tâm (central places) đó nữa. Lý thuyết này dẫn đến 2 khái niệm hàng hóa bậc thấp (low - order goods) và hàng hóa bậc cao (high - order goods) trong đó bậc thấp có thể là nhu yếu phẩm hàng ngày, bậc cao là những đồ dùng như phương tiện, máy móc, xe,... Như vậy, mỗi vùng đều cần phải tồn tại nhiều địa điểm trung tâm có thể phục vụ các hàng hóa bậc thấp và đồng thời phải có số lượng ít hơn những địa điểm có thể đáp ứng hàng hóa bậc cao. Những địa điểm này thường nằm ở các thị trấn hay thành phố lớn hơn, do đó phải đảm bảo việc xây dựng và quy hoạch những địa điểm này có thể tối giản hóa quãng đường phải di chuyển của người mua ở mức hợp lý nhất. Đồng thời, việc này cũng đòi hỏi sự phát triển đến một mức nhất định hệ thống đường xá hay thông tin liên lạc. Đây là một mô hình không gian vùng hợp lý và được áp dụng nhiều nơi trên thế giới.

1.1.3. Lý thuyết Desakota

Đây là lý thuyết chú trọng cụ thể đến sự PTV của các nước đang phát triển ở Châu Á. Mô hình Desakota là một quá trình bao gồm cả hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp, liên kết các làng xã và các thị trấn. Quá trình này bao gồm cả đô thị hóa lẫn phát triển nông thôn.

Lý thuyết này cũng đưa ra 3 loại vùng Desakota điển hình: (a) lao động nông thôn di chuyển ra thành thị hoặc dịch chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, (b) tác động lan tỏa quá lớn dẫn đến việc các vùng xen giữa phát triển mạnh mẽ, tạo thành một dải vùng phát triển lớn hơn ban đầu, và (c) các vùng nông thôn vẫn tiếp tục với các ngành nghề truyền thống trong bối cảnh sản xuất phi nông nghiệp phát triển chậm. Các vùng Desakota này, do phát triển tự phát, khiến các nhà hoạch định chú ý nhiều hơn đến khả năng tự nhận diện tiềm năng của các vùng. Tuy nhiên, tính tự phát cũng dẫn đến các vấn đề về môi trường khá nghiêm trọng (đô thị hóa và các ngành phi nông nghiệp có thể dẫn đến ô

nhiễm môi trường do rác thải, khí thải công nghiệp, chất thải xây dựng) hay thậm chí là sự suy thoái của các nghề truyền thống cần được bảo tồn (yếu tố văn hóa)... Nhìn chung, đây cũng là một mô hình PTV đáng chú ý, đặc biệt phù hợp với nhiều nơi ở châu Á nói chung và khu vực Đông Á nói riêng.

1.2. Một số nguyên tắc phát triển du lịch dựa trên liên kết vùng

Có rất nhiều các nguyên tắc trong LKV theo các cách tiếp cận khác nhau.

Tuy nhiên, dựa trên các lý thuyết PTV kinh tế ở trên, một số nguyên tắc phổ biến được các nhà nghiên cứu về kinh tế áp dụng:

1.2.1. Nguyên tắc dựa trên Lý thuyết cực tăng trưởng

Hình thành cực phát triển, các dòng hướng tâm của các nguồn lực sản xuất tới cực và dòng ly tâm của các dòng tiền, thông tin, tiến bộ khoa học và công nghệ... từ cực sang các vùng xung quanh.

Nguyên tắc này đòi hỏi việc xây dựng bản đồ/lợi thế tiềm năng của vùng và đề xuất các phương án phối hợp giữa các địa điểm. Từ đó, xác định các cực phát triển du lịch trọng tâm, với xung quanh là các cực liên quan (các cực hướng tâm cung cấp nguồn lực cho phát triển du lịch tại cực phát triển và các cực ly tâm các lợi ích thu được từ cực phát triển để đầu tư cho các vùng lân cận).

Ưu điểm của nguyên tắc này là khắc phục được hạn chế 1 do tạo ra sự phát triển đồng đều, phát huy được điểm mạnh 1 và cơ hội 1, 2 và 3 (Bảng 1). Đây cũng là đặc thù của du lịch Việt Nam hiện nay, khi mỗi địa phương có một đặc thù du lịch khác nhau. Sự gượng ép gắn kết giữa các địa phương được coi là LKV trong phát triển du lịch hoặc trường hợp khác là cực phát triển có nhưng không hình thành được cực ly tâm và cực hướng tâm cho cực phát triển này, dẫn đến sự phát triển du lịch đơn lẻ, du khách không đến nhiều lần.

1.2.2. Nguyên tắc dựa trên Lý thuyết vùng trung tâm

Hình thành những vị trí trung tâm cung cấp dịch vụ hàng hóa cho các vùng xung quanh.

Một thực tế khi đến Việt Nam, du khách rất yêu mến con người, cảnh vật, thực phẩm, văn hóa... nhưng chi tiêu cho du lịch lại không nhiều. Do các

Bảng 1. Bảng phân tích SWOT về phát triển du lịch theo hướng liên kết vùng

Điểm mạnh (Strengths)	Điểm yếu (Weaknesses)
<p>1. Phát huy tiềm năng của từng vùng địa lý; duy trì tái tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.</p> <p>2. Nhanh chóng mang lại giá trị kinh tế đóng góp vào tăng trưởng vùng; tăng mức sống và thu nhập của người dân.</p>	<p>1. Nguy cơ tạo nên sự gia tăng của các nhóm lợi ích trong phân quyền sử dụng đất và các nguồn tài nguyên của địa phương.</p> <p>2. Sự cố môi trường hay thảm họa tạo hiệu ứng domino với những thiệt hại nghiêm trọng cho hoạt động du lịch.</p> <p>3. Trình độ dân trí và kỹ năng dịch vụ của người bản địa chưa được đào tạo tương ứng với nhu cầu phát triển du lịch.</p> <p>4. Các hoạt động du lịch chưa được trang bị đầy đủ các dịch vụ, thiết bị đảm bảo an toàn cho khách du lịch (Đặc biệt là các tour du lịch mạo hiểm).</p>
Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Threats)
<p>1. Tạo ra các ngành nghề dịch vụ mới, đem lại việc làm cho người dân địa phương.</p> <p>2. Thu hút đầu tư và vốn ngoại tệ với địa phương, tiểu vùng, vùng, khuyến khích đầu tư vào cơ sở hạ tầng, hỗ trợ xây dựng/nâng cấp cơ sở y tế và giáo dục địa phương.</p> <p>3. Tạo ra sự giao lưu trung chuyển của các luồng giao thương quốc tế, thu hút sự đầu tư từ trong và ngoài nước.</p>	<p>1. Gia tăng sự mất cân bằng trong chi phí lợi ích giữa các thành phần tham gia, giữa các địa phương, vùng địa lý.</p> <p>2. Địa phương phải đối diện với những tác động âm tính từ phát triển du lịch liên vùng (như ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi tập quán lối sống và sự mất đi của các giá trị văn hóa truyền thống...) trên quy mô rộng có thể với mức độ nghiêm trọng và khó kiểm soát.</p> <p>3. Khai thác lợi ích kinh tế từ phát triển du lịch và bỏ qua vấn đề an sinh xã hội, phát triển các ngành/lĩnh vực khác.</p>

sản phẩm du lịch nghèo nàn, thậm chí nhiều sản phẩm nhập từ Trung Quốc hoặc sản xuất đơn lẻ, nên không thể đem lại giá trị bền vững cho phát triển du lịch dựa trên LKV. Hơn nữa, khách du lịch sau khi quay lại có thể thấy cảnh quan ô nhiễm hơn, hàng hóa du lịch không thay đổi...

Bởi vậy, nguyên tắc này đề cập tới giải pháp hình thành những vị trí trung tâm cung cấp dịch vụ và hàng hóa cho cực phát triển. Tác động ngoại biên của nguyên tắc này là: một khu vực có nhiều trung tâm sản xuất trùng sản phẩm hàng hóa thì dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh. Từ đó, nguyên tắc này đòi hỏi:

(i) Xác định sản phẩm du lịch đặc thù (nhưng phải gắn với hoạt động sở hữu trí tuệ như đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý).

Ví dụ: Tỏi Lý Sơn, Quảng Ngãi, nhiều người dân mang tỏi từ nơi khác về bán, hoặc trồng tỏi nơi khác rồi lấy bao bì mang tên Tỏi Lý Sơn, dẫn đến hậu quả làm mất giá trị vô hình về sản phẩm phục vụ du lịch tại Đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi).

(ii) Quy hoạch PTV sản xuất và cấp giấy chứng

nhận kinh doanh cho các cơ sở sản xuất muốn tham gia cung cấp cho cực phát triển.

(iii) Xây dựng bộ tiêu chí cho du lịch LKV, tiểu vùng (Tiêu chí môi trường, tiêu chí an toàn, tiêu chí sinh thái...).

1.2.3. Nguyên tắc dựa trên Lý thuyết Desakota - định hướng xen vùng

Nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với đặc trưng của Việt Nam do tính xen vùng vốn có. Nhiều chính sách ưu tiên phát triển kinh tế tại các địa phương hiện nay đang gặp phải những tác động ngoại biên từ ngành/lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Đó là khi du lịch đem lại giá trị kinh tế cao, toàn bộ lao động nông nghiệp sẽ chuyển sang làm dịch vụ du lịch hoặc chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất dự án hay xây dựng hạ tầng phát triển du lịch.

Nguyên tắc này giải quyết được điểm yếu 3 và thách thức 3 ở Bảng 1 và thường được thực hiện theo quy trình sau:

(i) Dự báo xu hướng chuyển đổi lao động sang phát triển du lịch để đào tạo tay nghề, kiến thức một cách bài bản và chuyên nghiệp

(ii) Xây dựng định hướng cực phát triển để tiến hành di dời hoặc định hướng các khu vực xen vùng cho các ngành khác (nông nghiệp, công nghiệp). Việc xen vùng này có thể mang lại những tác động ngoại biên dương tính như việc phát triển mô hình du lịch sinh thái có thể gắn với sản xuất nông nghiệp và hoa màu.

2. Liên kết vùng trong phát triển du lịch các tỉnh vùng Bắc Trung bộ

2.1. Tổng quan về phát triển du lịch các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ dựa trên liên kết vùng

Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được phê duyệt năm 2013, hiện nay Việt Nam định hướng phát triển du lịch theo 7 vùng. Vùng Bắc Trung bộ gồm 6 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế [4]. Quan điểm phát triển du lịch vùng được thể hiện trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 [5], phù hợp với quan điểm chung của Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh tập trung phát triển du lịch tham quan nghiên cứu di sản thế giới và văn hóa - lịch sử; Liên kết, hợp tác nội vùng, liên vùng và quốc tế là nội dung quan trọng, xuyên suốt đối với phát triển du lịch Bắc Trung bộ. Trong đó:

Căn cứ vào sự phân bố tài nguyên, không gian du lịch tại các tỉnh Bắc Trung bộ được chia thành 2 tiểu vùng du lịch:

- Tiểu vùng du lịch phía Bắc: Thanh Hóa đến Hà Tĩnh với trung tâm du lịch của tiểu vùng là TP. Vinh. Đây là lãnh thổ tập trung nhiều bãi biển đẹp vốn đã nổi tiếng như Sầm Sơn, Cửa Lò, Xuân Thành, Thiên Cầm,... và nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị mà tiêu biểu là di tích Kim Liên, Di sản văn hóa thế giới thành Nhà Hồ, Lam Kinh,...

Các khu du lịch quốc gia ở không gian du lịch này được xác định là: Khu du lịch quốc gia Kim Liên; Khu du lịch quốc gia Thiên Cầm.

Các điểm du lịch quan trọng ở không gian du lịch này được xác định là: Các điểm du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa: Lam Kinh, thành

Nhà Hồ, Kim Liên,... Các điểm du lịch tham quan nghiên cứu di chỉ khảo cổ: văn hóa Đông Sơn. Các điểm du lịch lễ hội truyền thống: Chọi trâu,... Các điểm du lịch sinh thái tại các khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia: Bến En, Pù Mát, Vũ Quang. Các bãi biển: Sầm Sơn, Cửa Lò, Xuân Thành, Thiên Cầm.

Các đô thị du lịch: Sầm Sơn, Cửa Lò.

Loại hình du lịch đặc trưng ở không gian du lịch biển tiểu vùng này được xác định là du lịch tham quan với những sản phẩm du lịch tham quan tìm hiểu giá trị các di tích lịch sử văn hóa, các di chỉ văn hóa Đông Sơn, các lễ hội truyền thống, các giá trị văn hóa truyền thống làng Việt cổ và tham quan cảnh quan vịnh - đảo.

- Tiểu vùng Nam Bắc Trung bộ: từ Quảng Bình đến Thừa Thiên - Huế với trung tâm tiểu vùng là TP. Huế. Đây là vùng tập trung tới 3 di sản thế giới, trong đó có 1 di sản thiên nhiên là vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Đây cũng là nơi có nhiều bãi biển đẹp như Nhật Lệ, Cửa Tùng, Cửa Việt, Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô và cũng là nơi tập trung nhiều nhất các di tích lịch sử cách mạng, tiêu biểu là thành cổ Quảng Trị, đường Hồ Chí Minh, địa đạo Vĩnh Mốc, Cồn Cỏ, cầu Hiền Lương,...

TP. Huế và TP. Đà Nẵng (vùng Nam Trung bộ) được xác định là 2 trung tâm đồng vị ở không gian du lịch của toàn Miền Trung, bởi Đà Nẵng hiện là thành phố loại 1 trực thuộc trung ương và đang được nâng cấp thành thành phố lớn thứ 3 của đất nước sau Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, có sân bay quốc tế Đà Nẵng (cửa ngõ đường không), cảng Đà Nẵng (cửa ngõ đường biển); TP. Huế là thành phố loại 1 có sân bay quốc tế Phú Bài (cửa ngõ đường không) và cảng nước sâu Chân Mây (cửa ngõ đường biển) ở biển Bắc Trung bộ.

Các tuyến du lịch: Huế - Đông Hà - Đông Hới - Phong Nha - Kẻ Bàng (đường bộ, sắt); Huế - Đà Nẵng (đường bộ, đường sắt); Huế - Hà Nội - khu vực phía Bắc (đường bộ, đường không, đường sắt); Huế - Đông Hà - Lao Bảo (đường bộ); Huế - TP. Hồ Chí Minh - khu vực phía Nam (đường bộ, đường không, đường sắt); Huế - khu vực và quốc tế (đường không, đường thủy).

Các khu du lịch quốc gia: Khu du lịch quốc gia

Phong Nha - Kẻ Bàng; Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương.

Các điểm du lịch quan trọng: Các điểm du lịch Di sản thế giới: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Cố đô Huế (bao gồm cả Nhã nhạc Cung đình Huế); Các bãi biển: Đá Nhảy, Nhật Lệ (Quảng Bình); Cửa Tùng, Cửa Việt, Mỹ Thủy (Quảng Trị); Thuận An, Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế); Các điểm du lịch tham quan di tích lịch sử văn hóa: địa đạo Vĩnh Mốc, thành cổ Quảng Trị, đường mòn Hồ Chí Minh,... Các làng nghề: đúc đồng Phường Đúc (Huế), gốm Phước Tích (Huế). Các điểm du lịch lễ hội truyền thống: rước Ông Cá (Quảng Bình), lễ hội Hồn Chén, Festival Huế (Thừa Thiên - Huế). Các điểm du lịch thắng cảnh đảo: Cồn Cỏ.

Loại hình du lịch đặc trưng ở không gian du lịch này được xác định là du lịch di sản với những sản phẩm du lịch là tham quan tìm hiểu giá trị các di sản (tự nhiên và văn hóa).

Sau 7 năm thực hiện Quy hoạch phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ, Du lịch toàn vùng đã đạt được một số kết quả quan trọng. Lượng khách du lịch đến vùng Bắc Trung Bộ có mức tăng trưởng khá, trung bình gần 16%/năm. Trong đó, khách du lịch quốc tế có tốc độ tăng trưởng trung bình là 9%/năm, khách du lịch nội địa có tốc độ tăng trưởng là 16,6%/năm. Năm 2019, toàn vùng đón được khoảng 25,5 triệu lượt khách, trong đó lượng khách quốc tế đạt gần 1,85 triệu lượt, lượng khách nội địa đạt 23,6 triệu lượt khách; Số lượng buồng lưu trú của vùng có tốc độ tăng trưởng trung bình là 10,2%/năm, đến hết năm 2019, toàn vùng có 65.584 buồng lưu trú; Tốc độ tăng trưởng lao động toàn vùng gần 14%/năm, tính đến hết năm 2019, số lượng lao động du lịch toàn vùng đạt 108.630 lao động; tổng thu từ du lịch của vùng có tốc độ tăng trưởng trung bình 31%/năm, đến hết năm 2019, tổng thu từ du lịch toàn vùng đạt 30.667 tỷ đồng.

2.2. Những giải pháp cần lưu ý trong phát triển du lịch dựa trên liên kết vùng khu vực Bắc Trung Bộ

(i) Xây dựng các mô hình liên kết giữa các tỉnh vận dụng nguyên tắc phát triển du lịch dựa trên LKV, tiểu vùng. Ví dụ: Mô hình du lịch về cội nguồn (3 tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ), mô

hình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc” (gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên)... của các tỉnh Khu vực Tây Bắc.

(ii) Trong thời gian vừa qua, các tỉnh Bắc Trung bộ phát triển mạnh về đô thị biển và du lịch nghỉ dưỡng biển. Tuy nhiên, các sản phẩm du lịch biển của vùng chưa thực sự hấp dẫn du khách, còn thiếu các sản phẩm du lịch biển mang lại giá trị kinh tế lớn như: câu cá giải trí, lặn biển,...

(iii) Giá trị hàng hóa các sản phẩm du lịch truyền thống còn thấp chưa có sản phẩm đặc thù có giá trị kinh tế. Do đó, cần lựa chọn những sản phẩm du lịch truyền thống của vùng gắn với hoạt động sở hữu trí tuệ như bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

3. Kết luận

PTV là vấn đề chính sách căn bản ở tầm quốc gia nói chung, ở các vùng cụ thể nói riêng. LKV có ý nghĩa quyết định tới phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc tập hợp của các yếu tố này. Thiếu LKV sẽ giảm năng suất lao động, giảm hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, LKV một cách hiệu quả vẫn đang là một hạn chế của các tỉnh Khu vực BTB.

Phát triển du lịch sẽ tạo điều kiện để mở rộng không gian kinh tế, giao lưu văn hóa, xã hội, tăng cường hiểu biết giữa các địa phương, dân tộc và tình hữu nghị, sự hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Phát triển du lịch dựa trên LKV không phải là mục tiêu mới đề ra, song trên thực tế, ranh giới vùng, tiểu vùng trong các văn bản chính sách hiện nay còn chồng chéo, dựa trên nhiều cách tiếp cận khác nhau. Sự gắn kết giữa các vùng hay tiểu vùng, các địa phương vẫn chỉ là sự tổ hợp của nhiều cực phát triển đơn lẻ và ít có sự tương tác, hợp tác thực sự hiệu quả. Trong những năm qua, những nỗ lực của các địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, Chính phủ đã và đang thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững du lịch BTB. Nhưng vấn đề đặt ra không phải là tiếp tục khai thác tài nguyên hay áp dụng các mô hình của các vùng khác, mà chính là việc cần xem xét xây dựng lại và cụ thể hóa các nguyên tắc liên kết để xác định những nhiệm vụ phù hợp cho từng địa phương nhằm thúc đẩy phát triển du lịch dựa trên LKV tại các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lê Anh Vũ, (2016). *Một số lý luận cơ bản về liên kết vùng*. Kỷ yếu hội thảo khoa học và công nghệ thúc đẩy liên kết và phát triển vùng Tây Bắc, trang 176- 188. NXB Khoa học Công nghệ, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Huân (2012). *Liên kết vùng từ lý luận đến thực tiễn*. Kỷ yếu Diễn đàn Kinh tế mùa Thu 2012, trang 418- 443.
3. Phạm Quốc Thành, (2017). Vấn đề phát triển liên kết vùng với phát triển bền vững vùng Tây Bắc. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 33(4), 56-66.
4. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 201/2013/QĐ-TTg ban hành ngày 22/01/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 2161/2013/QĐ-TTg ban hành ngày 11/11/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030”*.

Ngày nhận bài: 23/3/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/5/2022

Thông tin tác giả:

1. ThS. CÙ THỊ NHUNG

2. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Trường Đại học Hà Tĩnh

REGIONAL LINKAGE IN TOURISM DEVELOPMENT FROM THEORY TO PRACTICE IN THE NORTH CENTRAL PROVINCES

● Master. **CU THI NHUNG**¹

● Master. **NGUYEN THI THANH HUYEN**¹

¹Ha Tinh University

ABSTRACT:

Regional development has long been considered a strategic development goal of each country. Therefore, the establishment of regional development theory is inevitable in order to provide scientific arguments for the formulation of regional development policies, especially regional linkage development policies. Tourism is an integrated economic sector which has interdisciplinary, inter-regional and highly socialized nature. Based on some perspectives on the regional development theory, this paper analyzes the principles for tourism development based on regional linkages among the North Central provinces

Keywords: regional linkage, tourism, North Central region.